

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HSST

Ngày 06-06-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tiến;

Bà Vũ Thị Thúy.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 05 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 05 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức B1, sinh ngày 19- 12- 1994; Nơi sinh: Xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn B2, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Nguyễn Văn L1, họ tên mẹ: Bùi Thị H1; họ tên vợ: Đoàn Thị H2; có 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 13 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 23-01-2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại: Anh Đỗ Tuấn A1, sinh năm 1976 (Đã chết);

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

(1). Bà Vũ Thị V1, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Số nhà xxx, tổ xxx, phường T3, thành phố T4, tỉnh Thái Bình- Là mẹ anh Tuấn A1; Vắng mặt.

(2). Chị Bùi Thị L2, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Số nhà xxx, tổ xxx, phường T3, thành phố T4, tỉnh Thái Bình- Là vợ anh Tuấn A1; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi liên quan:

(1). Đỗ Tuấn L3, sinh năm 2009; Nơi cư trú: Số nhà xxx, tổ xxx, phường T3, thành phố T4, tỉnh Thái Bình- Là con anh Tuấn A1;

(2). Đỗ Tuấn M1, sinh năm 2017; Nơi cư trú: Số nhà xxx, tổ xxx, phường T3, thành phố T4, tỉnh Thái Bình- Là con anh Tuấn A1;

Người đại diện theo ủy quyền của bà V1, chị L2 là ông Vũ Hữu Đ3, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn B3, xã T5, huyện T2, tỉnh Thái Bình. (Văn bản ủy quyền ngày 05-12-2018). Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của Đỗ Tuấn L3, Đỗ Tuấn M1 là chị Bùi Thị L2- mẹ đẻ cháu L3, cháu M1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo làm nghề lái xe chở khách; hồi 01 giờ 00 ngày 03- 12- 2018, bị cáo điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29X- 7584 đi từ Hà Nội về xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Đến đoạn đường thuộc địa phận thôn T6, xã T7, khi vào quán ăn đêm bên đường; bị cáo đỗ xe bên trái đường theo chiều đi của bị cáo, không bật đèn tín hiệu. Trong khi bị cáo đang ở quán ăn thì anh Đỗ Tuấn A1 điều khiển xe mô tô từ hướng thị trấn D1 về xã T8 đã đâm vào xe ô tô của bị cáo đỗ ngược chiều. Hậu quả: Anh Tuấn A1 chết ngay; hai xe hư hỏng. Biên bản khám nghiệm hiện trường xác định: Nơi xảy ra tai nạn có mặt đường bằng phẳng, rải asphat, hướng Đông– Tây rộng 11m, không có vạch phân chia. Theo hướng đi từ thị trấn D1 về xã T8 thì lề đường bên phải là lề cỏ rộng 1,5m, tiếp giáp lề cỏ là ruộng lúa; lề đường bên trái là có số đo 01m, tiếp giáp khu dân cư. Hiện trường để lại: 01 đám nhựa vỡ kích thước 6,3m x 4,22m ; 02 đám đất kích thước lần lượt là 0,4m x 0,3m; 0,7m x 0,4m và tử thi; 01 xe mô tô đổ nghiêng, 01 xe ô tô. Kết luận giám định pháp y tử thi đối với anh Đỗ Tuấn A1: Đa chấn thương vùng đầu mặt, toàn thân do tai nạn giao thông, vỡ xương sọ, chảy máu não, gãy đốt sống cổ 2, 3, gãy hai xương cẳng chân phải. Nạn nhân chết do chấn thương sọ não, sốc đa chấn thương.

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông; Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông; Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông; Biên bản khám nghiệm tử thi; Bản ảnh tử thi; Bản ảnh hiện trường, phương tiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Các vật chứng: 01 chiếc xe ô tô và 01 chiếc xe mô tô đã được Cơ quan điều tra đã trả cho bị cáo và gia đình bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Bị cáo làm nghề lái xe chở khách, sử dụng chiếc xe ô tô 7 chỗ của bị cáo. Sáng 03- 12- 2018, bị cáo chở khách đi Hà Nội; khi trở về không có khách, đến đoạn đường 456 thuộc địa phận thôn T6, xã T7 thì bị cáo dừng xe để ăn đêm. Khi đỗ xe, bị cáo đã không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, thể hiện: Bị cáo đỗ xe sát mép đường bên trái theo chiều đi của bị cáo chứ không đỗ bên phải theo quy định; khi đỗ xe, bị cáo không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết. Khi chưa thực hiện các biện pháp an toàn, bị cáo đã rời khỏi xe. Bị cáo đã chủ quan, nghĩ rằng đêm tối không có người đi lại nên đã vi phạm các quy định an toàn giao thông; vì thế, vụ tai nạn xảy ra khi anh Tuấn A1 điều khiển xe mô tô đi đến từ hướng ngược lại.

Người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Bà V1 là mẹ anh Tuấn A1; chị L2 là vợ anh Tuấn A1; ông Đ3 là người đại diện theo ủy quyền của bà V1,

chị L2. Gia đình bị hại và bị cáo đã thỏa thuận mức bồi thường 150.000.000 đồng gồm mai táng phí, tổn thất tinh thần, sửa chữa xe và các chi phí khác; gia đình bị hại đã nhận đủ, không yêu cầu bồi thường thêm; có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình tố tụng, anh T9 và anh Đ4 trình bày: Hồi 01 giờ 10 phút ngày 03- 12- 2018, khi ở quán ăn đêm, nghe tiếng va đập, các anh chạy sang bên đường, thấy một xe ô tô loại 7 chỗ đỗ ở ven đường đối diện quán ăn; không có tín hiệu cảnh báo. Ngay phía trước xe ô tô là một xe mô tô đỗ, một người đàn ông nằm bất động.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKSTT ngày 06-05-2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù. Trách nhiệm dân sự: Đã thực hiện xong nên không đặt ra giải quyết. Vật chứng đã trả lại, không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải nộp án phí.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, trình bày hoàn cảnh khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Ngày 03- 12- 2018, khi đi xe, bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ; đó là nguyên nhân gây tai nạn giao thông, hậu quả anh Tuấn A1 bị chết. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Bị cáo hành nghề lái xe nhưng bị cáo đã không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, thể hiện: Đỗ xe không đúng quy định, không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết; rời xe khi chưa thực hiện các biện pháp an toàn. Vì vậy, khi anh Tuấn A1 điều khiển xe đi đến đã không phát hiện ra xe của bị cáo; đã xảy ra tai nạn giao thông, hậu quả chết người. Hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 18 Luật Giao thông

đường bộ; đã xâm phạm đến an toàn công cộng; là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi vô ý, hậu quả làm chết người. Như vậy, có đủ cơ sở xác định : Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội phạm và điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 18. Dừng xe, đỗ xe trên đường bộ

1. Dừng xe là trạng thái đứng yên tạm thời của phương tiện giao thông trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để cho người lên, xuống phương tiện, xếp dỡ hàng hóa hoặc thực hiện công việc khác.

2. Đỗ xe là trạng thái đứng yên của phương tiện giao thông không giới hạn thời gian.

3. Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ phải thực hiện quy định sau đây:

a) Có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết;

b) Cho xe dừng, đỗ ở nơi có lề đường rộng hoặc khu đất ở bên ngoài phần đường xe chạy; trường hợp lề đường hẹp hoặc không có lề đường thì phải cho xe dừng, đỗ sát mép đường phía bên phải theo chiều đi của mình;

c) Trường hợp trên đường đã xây dựng nơi dừng xe, đỗ xe hoặc quy định các điểm dừng xe, đỗ xe thì phải dừng, đỗ xe tại các vị trí đó;

d) Sau khi đỗ xe, chỉ được rời khỏi xe khi đã thực hiện các biện pháp an toàn; nếu xe đỗ chiếm một phần đường xe chạy phải đặt ngay biển báo hiệu nguy hiểm ở phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết;..”.

“Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b)

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Gia đình bị hại đề nghị giảm nhẹ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người lao động, tuy phạm tội với lỗi vô ý nhưng hành vi của bị cáo phải xử lý về hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng,

có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng; có đơn được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng có thể giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phạm tội do lỗi đồ xe, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt phụ là cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo.

[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng: Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả bị cáo 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29X- 7584; đã trả gia đình bị hại 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B4- 31129.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000, đồng. Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản nào khác nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo đã bồi thường trước khi mở phiên tòa, gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức B1 phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt: Áp dụng: Điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 260; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B1: 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 06 tháng 06 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo.

3). Các vấn đề trong thi hành án treo:

3.1). -Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện T2, tỉnh Thái Bình thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện T2, tỉnh Thái Bình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức

việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3.2). Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách:

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự.

Công nhận thỏa thuận bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000, đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

6. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tòng